



Số: 0744-SX01-02/2024.1829

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

I. THÔNG TIN CHUNG

Đơn vị được quan trắc : Công ty TNHH Long Hải
Địa chỉ : CCN 1, xã Gia Xuyên, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
Loại mẫu : Không khí môi trường lao động
Ngày quan trắc : 17/06/2024 - Ngày phân tích: 17/06/2024 - 04/07/2024
Tên mẫu/Vị trí quan trắc : SX01/Khu vực xưởng sản xuất thạch
: SX02/Khu vực xưởng đóng gói thạch

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 03: 2019/ BYT TWA
				SX01	SX02	
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2022/BTNMT	31,7	31,3	18 ÷ 32 ⁽¹⁾
2	Độ ẩm	%		66,0	64,0	40 ÷ 80 ⁽¹⁾
3	Tốc độ chuyển động không khí	m/s		0,30	0,35	0,2 ÷ 1,5 ⁽¹⁾
4	Tiếng ồn LAmax	dBA	TCVN 7878-2:2018	82,3	84,3	115 ⁽²⁾
5	Tiếng ồn LAeq	dBA		75,4	78,4	85 ⁽²⁾
6	Độ rung	m/s ²	TCVN 6963:2001	0,007294	0,0462	1,1 ⁽³⁾
7	Bụi toàn phần	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,49	0,41	8 ⁽⁴⁾
8	CO	mg/m ³	QTPT 02/CLC	KPH (8)	KPH (8)	20
9	SO ₂	mg/m ³	TCVN 5971:1995	KPH (0,075)	KPH (0,075)	5
10	NO ₂	mg/m ³	TCVN 6137:2009	KPH (0,036)	KPH (0,036)	5
11	Hydrocarbon	mg/m ³	NIOSH Method 1500	KPH (0,3)	KPH (0,3)	-

Kết quả này không được sao chép từng phần ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Lãnh đạo Công ty.
Kết quả này có giá trị cho mẫu thử. Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả (ngoại trừ mẫu vi sinh)
Hết thời gian lưu mẫu, chúng tôi không chịu trách nhiệm về việc khiêu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng



CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG CAO HẢI DƯƠNG

Địa chỉ: Số 47 Đại Lộ Lê Duẩn - KĐT Ecorivers - P. Hải Tân - TP. Hải Dương

Điện thoại: 0220.3838298 * Email: Phantichcongnghecao@gmail.com



Ghi chú:

- QCVN 03: 2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc, áp dụng Giới hạn tiếp xúc ca làm việc (TWA);
- (1): QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Vi khí hậu - Lao động Trung Bình;
- (2): QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp;
- (3): QCVN 27:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Rung - Giá trị cho phép tại nơi làm việc;
- (4): QCVN 02: 2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc, áp dụng Giới hạn tiếp xúc ca làm việc (TWA);
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích có giá trị nhỏ hơn giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp;
- Hydrocacbon: Bao gồm các cấu tử theo năng lực của PTN;
- (-): Không quy định/không thực hiện.

Hải Dương, ngày 04 tháng 07 năm 2024

BỘ PHẬN PHÂN TÍCH

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Hồng Thúy

Phạm Văn Hải



Lê Thị Thảo



Số: 0744-SX03-04/2024.1830

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

I. THÔNG TIN CHUNG

Đơn vị được quan trắc : Công ty TNHH Long Hải
Địa chỉ : CCN 1, xã Gia Xuyên, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
Loại mẫu : Không khí môi trường lao động
Ngày quan trắc : 17/06/2024 - Ngày phân tích: 17/06/2024 - 04/07/2024
Tên mẫu/Vị trí quan trắc : SX03/Khu vực xưởng đóng gói nước thạch
: SX04/Khu vực sản xuất nước thạch

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 03: 2019/ BYT TWA
				SX03	SX04	
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2022/BTNMT	30,8	31,5	18 ÷ 32 ⁽¹⁾
2	Độ ẩm	%		63,2	63,9	40 ÷ 80 ⁽¹⁾
3	Tốc độ chuyển động không khí	m/s		0,56	0,37	0,2 ÷ 1,5 ⁽¹⁾
4	Tiếng ồn LAeq	dBA	TCVN 7878-2:2018	77,3	78,3	85 ⁽²⁾
5	Tiếng ồn LAmx	dBA		82,1	82,1	115 ⁽²⁾
6	Độ rung	m/s ²	TCVN 6963:2001	0,00369	0,0058	1,1 ⁽³⁾
7	Bụi toàn phần	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,37	0,36	8 ⁽⁴⁾
8	CO	mg/m ³	QTPT 02/CLC	KPH (8)	KPH (8)	20
9	SO ₂	mg/m ³	TCVN 5971:1995	KPH (0,075)	KPH (0,075)	5
10	NO ₂	mg/m ³	TCVN 6137:2009	KPH (0,036)	KPH (0,036)	5
11	Hydrocarbon	mg/m ³	NIOSH Method 1500	KPH (0,3)	KPH (0,3)	-

Kết quả này không được sao chép từng phần ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Lãnh đạo Công ty.
Kết quả này có giá trị cho mẫu thử. Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả (ngoại trừ mẫu vi sinh)
Hết thời gian lưu mẫu, chúng tôi không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng



CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG CAO HẢI DƯƠNG

Địa chỉ: Số 47 Đại Lộ Lê Duẩn - KĐT Ecorivers - P. Hải Tân - TP. Hải Dương

Điện thoại: 0220.3838298 * Email: Phantichcongnghercao@gmail.com



Ghi chú:

- QCVN 03: 2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc, áp dụng Giới hạn tiếp xúc ca làm việc (TWA);
- (1): QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Vi khí hậu - Lao động Trung Bình;
- (2): QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp;
- (3): QCVN 27:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Rung - Giá trị cho phép tại nơi làm việc;
- (4): QCVN 02: 2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc, áp dụng Giới hạn tiếp xúc ca làm việc (TWA) ;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích có giá trị nhỏ hơn giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp;
- Hydrocacbon: Bao gồm các cấu tử theo năng lực của PTN;
- (-): Không quy định/không thực hiện.

Hải Dương, ngày 04 tháng 07 năm 2024

BỘ PHẬN PHÂN TÍCH

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Hồng Thúy

Phạm Văn Hải



Lê Thị Thảo



Số: 0744-KT01-02-03/2024.1832

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

I. THÔNG TIN CHUNG

Đơn vị được quan trắc : Công ty TNHH Long Hải
Địa chỉ : CCN 1, xã Gia Xuyên, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
Loại mẫu : Khí thải
Ngày quan trắc : 17/06/2024 - Ngày phân tích: 17/06/2024 - 04/07/2024
Tên mẫu/Vị trí quan trắc : KT01/Khí thải ống khói lò hơi số 1
: KT02/Khí thải ống khói lò hơi số 2
: KT03: Khí thải ống khói lò hơi số 3

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả			QCVN 19:2009/ BTNMT
				KT01	KT02	KT03	Cột B
1	Nhiệt độ	°C	QTHT 43/CLC	118	107	142	-
2	Hàm ẩm	%	US EPA Method 4	5	4,5	4,2	-
3	Tốc độ gió	m/s	US EPA Method 02	4,7	4,9	5,2	-
4	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	11	9,2	17	200
5	Tiếng ồn (Leq)	dBA	TCVN 7878-2:2018	70,0	67,0	70,0	85 ⁽¹⁾
6	CO	mg/Nm ³	QTHT 43/CLC	265	74	96	1.000
7	SO ₂	mg/Nm ³		16	153	<13,1	500
8	NO _x tính theo NO ₂	mg/Nm ³		53	69	<7,8	850
9	Tổng hydrocacbon	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (1,5)	KPH (1,5)	KPH (1,5)	-

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, áp dụng Cột B;
- (1) QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích có giá trị nhỏ hơn giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp;
- Kết quả có dấu "<" là kết quả đo được có giá trị nhỏ hơn giới hạn đo của thiết bị.
- Tổng hydrocacbon: Bao gồm các cấu tử theo năng lực của PTN;
- (-): Không quy định/không thực hiện.

Hải Dương, ngày 04 tháng 07 năm 2024

BỘ PHẬN PHÂN TÍCH

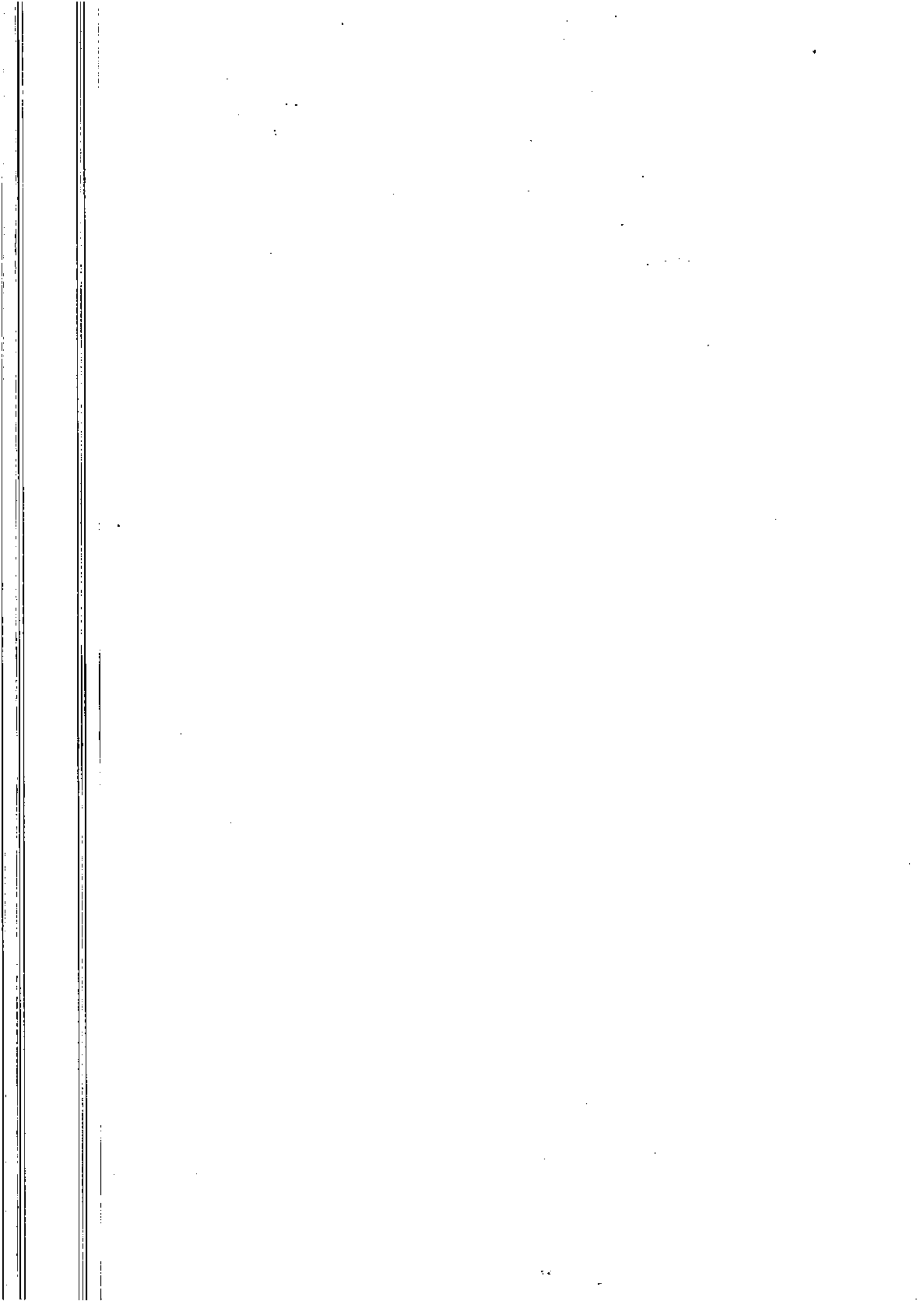
Nguyễn Thị Hồng Thúy

Phạm Văn Hải



PHÓ GIÁM ĐỐC

Lê Thị Thảo





Số: 0744-SX05-06-07/2024.1831

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

I. THÔNG TIN CHUNG

Đơn vị được quan trắc : Công ty TNHH Long Hải
Địa chỉ : CCN 1, xã Gia Xuyên, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
Loại mẫu : Không khí môi trường lao động
Ngày quan trắc : 17/06/2024 - Ngày phân tích: 17/06/2024 - 04/07/2024
Tên mẫu/Vị trí quan trắc : SX05/Khu vực nhà chế biến dừa thô
: SX06/Khu vực nhà sản xuất thạch Caramel

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả			QCVN 03: 2019/ BYT TWA
				SX05	SX06	SX07	
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2022/BTNMT	30,8	31,4	31,5	18 ÷ 32 ⁽¹⁾
2	Độ ẩm	%		64,3	62,5	65,0	40 ÷ 80 ⁽¹⁾
3	Tốc độ chuyển động không khí	m/s		0,48	0,41	0,40	0,2 ÷ 1,5 ⁽¹⁾
4	Tiếng ồn LAeq	dBA	TCVN 7878-2:2018	74,3	77,9	77,5	85 ⁽²⁾
5	Tiếng ồn LAmx	dBA		83,1	83,2	82,0	115 ⁽²⁾
6	Độ rung	m/s ²	TCVN 6963:2001	0,00922	0,0055	0,0044	1,1 ⁽³⁾
7	Bụi toàn phần	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,36	0,47	0,55	8 ⁽⁴⁾
8	CO	mg/m ³	QTPT 02/CLC	KPH (8)	KPH (8)	KPH (8)	20
9	SO ₂	mg/m ³	TCVN 5971:1995	KPH (0,075)	KPH (0,075)	KPH (0,075)	5
10	NO ₂	mg/m ³	TCVN 6137:2009	KPH (0,036)	KPH (0,036)	KPH (0,036)	5
11	Hydrocarbon	mg/m ³	NIOSH Method 1500	0,662	KPH (0,3)	KPH (0,3)	-

Kết quả này không được sao chép từng phần ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Lãnh đạo Công ty.
Kết quả này có giá trị cho mẫu thử. Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả (ngoại trừ mẫu vi sinh)
Hết thời gian lưu mẫu, chúng tôi không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng



CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG CAO HẢI DƯƠNG

Địa chỉ: Số 47 Đại Lộ Lê Duẩn - KĐT Ecorivers - P. Hải Tân - TP. Hải Dương

Điện thoại: 0220.3838298 * Email: Phantichcongnghecao@gmail.com



Ghi chú:

- QCVN 03: 2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc, áp dụng Giới hạn tiếp xúc ca làm việc (TWA);
- (1): QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Vi khí hậu - Lao động Trung Bình;
- (2): QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp;
- (3): QCVN 27:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Rung - Giá trị cho phép tại nơi làm việc;
- (4): QCVN 02: 2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc, áp dụng Giới hạn tiếp xúc ca làm việc (TWA) ;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích có giá trị nhỏ hơn giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp;
- Hydrocacbon: Bao gồm các cấu tử theo năng lực của PTN;
- (-): Không quy định/không thực hiện.

Hải Dương, ngày 04 tháng 07 năm 2024

BỘ PHẬN PHÂN TÍCH

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Hồng Thúy

Phạm Văn Hải



Lê Thị Thảo



Số: 0744-NT01-02/2024.1833

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

I. THÔNG TIN CHUNG

Đơn vị được quan trắc : Công ty TNHH Long Hải
Địa chỉ : CCN 1, xã Gia Xuyên, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
Loại mẫu : Nước thải
Ngày quan trắc : 17/06/2024 - Ngày phân tích: 17/06/2024 - 04/07/2024
Tên mẫu/Vị trí quan trắc : NT01/Nước thải trước hệ thống xử lý
: NT02/Nước thải sau hệ thống xử lý

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 40:2011/ BTNMT Cột B
				NT01	NT02	
1	pH	-	TCVN 6492:2011	3,8	8,2	5,5 ÷ 9
2	Lưu lượng nước thải (*)	m ³ /24h		322	322	-
3	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	30,2	28,2	40
4	Nhu cầu oxy sinh học (BOD ₅)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	2.350	5	50
5	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	4.634	14	150
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	88	15	100
7	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	QTHT 12/CLC	275	875	-
8	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	1,76	<0,08	10
9	Tổng Nitơ (N)	mg/L	TCVN 6638:2000	12,6	<4,5	40
10	Tổng Phospho (P)	mg/L	SMEWW 4500-P.B&E:2023	5,55	2,568	6
11	Sắt (Fe)	mg/L	TCVN 6177:1996	0,73	0,21	5
12	Mangan (Mn)	mg/L	EPA Method 200.8	0,014	0,006	1
13	Kẽm (Zn)	mg/L		0,028	0,028	3
14	Chì (Pb)	mg/L		<0,012	0,014	0,5
15	Cadimi (Cd)	mg/L		KPH (0,001)	KPH (0,001)	0,1
16	Asen (As)	mg/L		<0,003	0,004	0,1
17	Thủy ngân (Hg)	mg/L		KPH (0,0003)	KPH (0,0003)	0,01
18	Tổng dầu mỡ	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	<1	KPH (0,3)	-
19	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	350x10 ²	KPH (2)	5.000

Kết quả này không được sao chép từng phần ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Lãnh đạo Công ty.
Kết quả này có giá trị cho mẫu thử. Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả (ngoại trừ mẫu vi sinh)
Hết thời gian lưu mẫu, chúng tôi không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng



CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG CAO HẢI DƯƠNG

Địa chỉ: Số 47 Đại Lộ Lê Duẩn - KĐT Ecorivers - P. Hải Tân - TP. Hải Dương

Điện thoại: 0220.3838298 * Email: Phantichcongnghercao@gmail.com



Ghi chú:

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, áp dụng Cột B;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích có giá trị nhỏ hơn giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp;
- Kết quả có dấu "<" là kết quả phân tích có giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- (*): Thông số có kết quả được cung cấp bởi Công ty TNHH Long Hải;
- (-): Không quy định/không thực hiện.

Hải Dương, ngày 04 tháng 07 năm 2024

BỘ PHẬN PHÂN TÍCH

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Hồng Thúy

Phạm Văn Hải



Lê Thị Thảo